TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **109/**2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24/11/2023
V/v tranh chấp ”ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Ngọc Trứ

Bà Đặng Thị Tiềm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Tín – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Trân Quốc Vương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2023/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Chị H, sinh năm 1994;
Địa chỉ: ấp M1, xã M2, thị xã M3, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Anh L, sinh năm 1990;
Địa chỉ: ấp M1, xã M2, thị xã M3, tỉnh Tiền Giang.

(Chị H và anh L có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 04/10/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh L do quen biết và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M2, thị xã M3, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 84 ngày 04/9/2020. Quá trình chung sống đến năm 9/2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do mâu thuẫn trong gia đình về việc cất giữ vàng cưới, anh L không quan tâm chị và con, anh L và mẹ chồng cất mái che bên hong nhà chính cho chị và con chị ở, không cho chị ra ngoài. Chị và anh L đã ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 7/2021 cho đến

nay. Lúc chị ở nhà mẹ ruột thì anh L và mẹ chồng đến nhà bạo hành chị và mẹ ruột của chị có sự can thiệp của Công an xã T. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh L.

Về con chung: có 01 con chung tên A, sinh ngày 10/6/2021. Khi ly hôn chị H yêu cầu nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: nữ trang trong ngày cưới gồm: dây chuyền vàng 24Kr: 05 chỉ, cặp lắc vàng 24Kr: 04 chỉ, bông tai vàng 24Kr: 01 chỉ. Tổng cộng: 10 chỉ vàng 24Kr. Hiện do anh L cất giữ. Khi ly hôn chị H yêu cầu chia ½ số vàng nêu trên. Chị H yêu cầu nhận hiện vật là vàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì chị H có gửi đến tòa án đơn đề ngày 18/10/2023 xin rút lại đối với yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh thống nhất với lời trình bày của chị H về thời gian kết hôn. Còn nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nay chị Hồng yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: có 01 con chung như chị H trình bày là đúng. Khi ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 như: Thẩm quyền thụ lý vụ án đúng theo quy định tại Điều 28, 35. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị hội đồng xét xử:

- Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia tài sản chung mà chị Hồng xin rút.

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H cho chị H được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Tiếp tục giao cháu A, sinh ngày 10/6/2021 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H chưa có yêu cầu. Anh L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Chị H và anh L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết.

- Về nợ chung: Chị H và anh L thống nhất không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết.

Về án phí: chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn chị H và bị đơn anh L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định quan hệ tranh chấp "Ly hôn, nuôi con", bị đơn anh L có hộ khẩu thường trú tại ấp M1, xã M2, thị xã M3, tỉnh Tiền Giang căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh L về chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã M2, thị xã M3, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 84 ngày 04/9/2020 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù chị H anh L trình bày không thống nhất nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn nhưng anh chị đều thống nhất ly hôn. Từ lúc ly thân cho đến nay thì chị H anh L không còn liên lạc với nhau, không ai quan tâm chăm sóc gì nhau. Từ những tình tiết trên, đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử nhận định tình trạng hôn nhân giữa chị H, anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên A, sinh ngày 10/6/2021. Khi ly hôn chị H và anh L thống nhất giao cháu A cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Do đó, để ổn định cuộc sống cho cháu A, nên giao cháu A cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị H chưa yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện ngày 04/10/2023 thì nguyên đơn chị H có yêu cầu Tòa án giải quyết nữ trang trong ngày cưới gồm: dây chuyền vàng 24Kr: 05 chỉ, cặp lắc vàng 24Kr: 04 chỉ, bông tai vàng 24Kr: 01 chỉ. Tổng cộng: 10 chỉ vàng 24Kr. Hiện do anh L cất giữ. Khi ly hôn chị H yêu cầu chia ½ số vàng nêu trên. Chị H yêu cầu nhận hiện vật là vàng. Trong quá trình giải quyết thì chị H có nộp đơn đề ngày 18/10/2023 xin rút lại đối với yêu cầu chia tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện,

căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của chị Hồng.

[6] Về nợ chung: Chị H và anh L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí*:* Buộc chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn lại chị H tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung mà chị xin rút.

[8] Xét, ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 244; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị H được ly hôn với anh L.

2. Về con chung: Giao cháu A, sinh ngày 10/6/2021 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H chưa có yêu cầu.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu Tòa án giải quyết nữ trang trong ngày cưới gồm: dây chuyền vàng 24Kr: 05 chỉ, cặp lắc vàng 24Kr: 04 chỉ, bông tai vàng 24Kr: 01 chỉ. Tổng cộng: 10 chỉ vàng 24Kr.

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 925.000 (Chín trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu số 0018696 ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Nên hoàn lại chị H số tiền 625.000 (sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kim Thoa